

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2024/DS-PT

Ngày: 16/4/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Ông Trương Việt Hồng

Bà Phạm Thị Kim

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Mai Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20/3/2024 và ngày 16/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2024/TLPT - DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 244/2023/DS - ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 930/2024/QĐ - PT ngày 28/02/2024; Quyết định hoãn phiên Tòa số 3338/QĐ - PT ngày 20/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1

Địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Vũ Thái H; Ông Hoàng Trung L; Ông Nguyễn Hoàng T là cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (Theo giấy ủy quyền số 038168.24 ngày 5/3/2024).

Địa chỉ: Tầng F, tòa nhà P, số B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Bị đơn: Bà Mai Thị Ngọc H1 - Sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số A H, Khu phố G, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm: 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Đường A, Khu phố G, phường T, thành phố T (cũ là Quận I), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2022, các lời khai trong bản tự khai và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Châu Bích N trình bày:

Bà Mai Thị Ngọc H1 trước đây là nhân viên của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 nên được ưu đãi vay vốn với mức lãi suất thấp.

1/ Ngày 11/7/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cụ thể là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 – Chi nhánh T1 căn cứ theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 5925978(1).19 ngày 11/7/2019 nên có ký kết với bà Mai Thị Ngọc H1 hợp đồng tín dụng số 5925978.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 5925978.19 VIB; số tiền vay là: 110.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân (cụ thể là 11/7/2019); Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất (cụ thể là 11,1%/năm). Phương thức trả nợ: trả gốc và trả lãi hàng tháng.

Hợp đồng vay là dạng hợp đồng tín chấp không có tài sản đảm bảo.

Bà Mai Thị Ngọc H1 đã nhận đủ tiền vay.

Trong quá trình vay bà Mai Thị Ngọc H1 đã trả cho Ngân hàng tính đến ngày 26/12/2020 là 18 kỳ thanh toán, tổng số tiền bà H1 đã trả là 43.207.498 đồng (bao gồm tiền gốc là 27.174.069 đồng, tiền lãi trong hạn là 15.974.739 đồng, tiền lãi phạt là 58.690 đồng). Kể từ ngày 27/12/2020 đến nay bà Mai Thị Ngọc H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh của từng tháng theo hợp đồng. Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 27/12/2020 và áp dụng lãi suất quá hạn là 16,95%/năm, từ ngày 20/7/2021 đến nay thì áp dụng quá hạn là 21%/năm.

Tính đến ngày 18/9/2023, bà H1 còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 82.825.931 đồng
- Lãi trong hạn: 20.864 đồng
- Lãi quá hạn: 45.578.656 đồng

Tổng cộng: 128.425.451 đồng (1.)

2/ Ngày 03/10/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cụ thể là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 – Chi nhánh T1 căn cứ theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 4895234(1).19 ngày 11/7/2019 nên có ký kết với bà Mai Thị Ngọc H1 hợp đồng tín dụng số 4895234.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 4895234.19 VIB; số tiền vay là:

200.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân (cụ thể là 11/7/2019); Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất (cụ thể là 11,3%/năm). Phương thức trả nợ: trả gốc và trả lãi hàng tháng.

Hợp đồng vay là dạng hợp đồng tín chấp không có tài sản đảm bảo.

Bà Mai Thị Ngọc H1 đã nhận đủ tiền vay.

Trong quá trình vay bà Mai Thị Ngọc H1 đã trả cho Ngân hàng tính đến ngày 26/12/2020 là 15 kỳ thanh toán, tổng số tiền bà H1 đã trả là 65.781.998 đồng (bao gồm tiền gốc là 40.441.345 đồng, tiền lãi trong hạn là 25.235.660 đồng, tiền lãi phạt là 104.993 đồng). Kể từ ngày 27/12/2020 đến nay bà Mai Thị Ngọc H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh của từng tháng theo hợp đồng. Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 27/12/2020 và áp dụng lãi suất quá hạn là 16,95%/năm, từ ngày 20/7/2021 đến nay thì áp dụng quá hạn là 21%/năm.

Tính đến ngày 18/9/2023, bà H1 còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 159.558.655 đồng

- Lãi trong hạn: 53.827 đồng

- Lãi quá hạn: 87.804.254 đồng

Tổng cộng: 247.416.735 đồng (2.)

3/ Ngày 11/4/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của bà Mai Thị Ngọc H1 mà cấp cho bà H1 01 thẻ tín dụng quốc tế là thẻ Master với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền là 507.761.176 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 449.587.511 đồng.

Kể từ sau ngày 25/5/2020, bà Mai Thị Ngọc H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà H1 thanh toán nhưng bà H1 cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 25/5/2020 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ Master đối với bà H1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn còn thiếu tại thời điểm này là 19.501.157 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất thông thường của thẻ là 34%/tháng nhưng có tính phí phạt chậm thanh toán 4%/tháng tính trên tổng dư nợ.

Tính đến ngày 18/9/2023, Bà H1 còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 19.501.157 đồng

- Lãi: 8.208.755 đồng

- Phí: 30.463.753 đồng

Tổng cộng: 58.173.665 đồng (3.)

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị Ngọc H1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền còn nợ bao gồm cả gốc và lãi.

Tại phiên họp hôm nay, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị Ngọc H1 thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 18/9/2023 là 428.716.594 đồng (bao gồm (1.) + (2.) + (3.)).

- Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên một lần sau khi án có hiệu lực thi hành.

- Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà Mai Thị Ngọc H1 trả số tiền nợ và không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ.

- Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ sau ngày 18/9/2023 theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu nào khác. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông H2 hoàn toàn không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình.

Trong bản tự khai ngày 09/01/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bị đơn xác nhận lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về quá trình ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế tín dụng, số tiền vay, lãi suất, mục đích vay và quá trình trả nợ là đúng.

Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ là 428.716.594 đồng (tạm tính đến hết ngày 18/9/2023) đúng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn đồng ý trả tổng số tiền nợ nêu trên nhưng sẽ tất toán cho ngân hàng T2 khoản nợ vay trên trong tháng 12/2023 và trước ngày 20/12/2023, bị đơn đồng ý trả lãi phát sinh từ sau ngày 23/08/2023 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự có mặt chấp hành chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Việc xét xử vắng mặt đương sự đảm bảo đúng quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét hợp đồng cấp tín dụng, giấy nhận nợ, các hợp đồng thế chấp và quá trình đóng tiền lãi của bà H1 cho thấy bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ

trả nợ. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 244/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc bà Mai Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tổng số tiền là 434.015.851 đồng, cụ thể:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 5925978.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 5925978.19 VIB ngày 11/7/2019, tính đến ngày 18/9/2023:

- Dư nợ gốc: 82.825.931 đồng

- Lãi trong hạn: 20.864 đồng

- Lãi quá hạn: 45.578.656 đồng

Tổng cộng: 128.425.451 đồng (1.)

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 4895234.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 4895234.19 VIB ngày 03/10/2019, tính đến ngày 18/9/2023:

- Dư nợ gốc: 159.558.655 đồng

- Lãi trong hạn: 53.827 đồng

- Lãi quá hạn: 87.804.254 đồng

Tổng cộng: 247.416.735 đồng (2.)

+ Đối với thẻ tín dụng quốc tế là thẻ Master, tính đến ngày 18/9/2023:

- Dư nợ gốc: 19.501.157 đồng

- Lãi: 8.208.755 đồng

- Phí: 30.463.753 đồng

Tổng cộng: 58.173.665 đồng (3.)

Buộc bà Mai Thị Ngọc H1 trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 19/9/2023 trở đi bà Mai Thị Ngọc H1 còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/10/2023, bị đơn bà Mai Thị Ngọc H1 gửi đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 244/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn có người đại diện theo ủy quyền không rút đơn kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án và không nộp thêm chứng cứ nào khác ngoài các chứng cứ đã được giao nộp tại cấp sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Ngọc H1, giữ nguyên số 244/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Bà Mai Thị Ngọc H1 đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Bà Mai Thị Ngọc H1 đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm lãi suất phạt trong hạn quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thương mại cổ phần Q1, bản án sơ thẩm nhận định như sau:

- Xét hợp đồng tín dụng số 5925978.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 5925978.19 VIB ngày 11/7/2019 có đủ cơ sở xác định:

Ngày 11/7/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cụ thể là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 – Chi nhánh T1 căn cứ

theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5925978(1).19 ngày 11/7/2019 nên có ký kết với bà Mai Thị Ngọc H1 hợp đồng tín dụng số 5925978.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 5925978.19 VIB; số tiền vay là: 110.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân (cụ thể là 11/7/2019); Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất (cụ thể là 11,1%/năm). Phương thức trả nợ: trả gốc và trả lãi hàng tháng. Hợp đồng vay là dạng hợp đồng tín chấp không có tài sản đảm bảo.

Tuy nhiên, tính đến ngày 26/12/2020 là 18 kỳ thanh toán, tổng số tiền bà H1 đã trả là 43.207.498 đồng (bao gồm tiền gốc là 27.174.069 đồng, tiền lãi trong hạn là 15.974.739 đồng, tiền lãi phạt là 58.690 đồng) là vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng.

- Xét hợp đồng tín dụng số 4895234.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 4895234.19 VIB ngày 03/10/2019: Ngày 03/10/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cụ thể là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 - Chi nhánh T1 căn cứ theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4895234(1).19 ngày 11/7/2019 nên có ký kết với bà Mai Thị Ngọc H1 hợp đồng tín dụng số 4895234.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 4895234.19 VIB; số tiền vay là: 200.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân (cụ thể là 11/7/2019); Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất (cụ thể là 11,3%/năm). Phương thức trả nợ: trả gốc và trả lãi hàng tháng, hợp đồng vay là dạng hợp đồng tín chấp không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên, tính đến ngày 26/12/2020 là 15 kỳ thanh toán, tổng số tiền bà H1 đã trả là 65.781.998 đồng (bao gồm tiền gốc là 40.441.345 đồng, tiền lãi trong hạn là 25.235.660 đồng, tiền lãi phạt là 104.993 đồng) là vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng.

- Xét Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 11/4/2019: Ngày 11/4/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của bà Mai Thị Ngọc H1 mà cấp cho bà H1 01 thẻ tín dụng quốc tế là thẻ Master với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền là 507.761.176 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 25/12/2020 bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 449.587.511 đồng. Kể từ sau ngày 25/12/2020 bà H1 không thanh toán cho Ngân hàng thêm bất cứ khoản tiền nào là vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà H1 xác nhận có vay tài sản của Ngân hàng, bị đơn đồng ý trả tổng số tiền nợ nêu trên nhưng sẽ tất toán cho ngân hàng T2 khoản nợ vay trên trong tháng 12/2023 và trước ngày 20/12/2023. Bị đơn đồng ý trả lãi phát sinh từ sau ngày 23/08/2023 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho Ngân hàng. Như vậy, có căn cứ cho thấy bà H1 đã vi phạm nghĩa

vụ thanh toán đối với hợp đồng tín dụng của Ngân hàng, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Về lãi suất cho vay phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 5925978.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 5925978.19 VIB ngày 11/7/2019, tính đến ngày 18/9/2023, bà H1 còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 82.825.931 đồng

- Lãi trong hạn: 20.864 đồng

- Lãi quá hạn: 45.578.656 đồng

Tổng cộng: 128.425.451 đồng (1.)

Đối với hợp đồng tín dụng số 4895234.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 4895234.19 VIB ngày 03/10/2019, tính đến ngày 18/9/2023, bà H1 còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 159.558.655 đồng

- Lãi trong hạn: 53.827 đồng

- Lãi quá hạn: 87.804.254 đồng

Tổng cộng: 247.416.735 đồng (2.)

Đối với thẻ tín dụng quốc tế là thẻ Master, tính đến ngày 18/9/2023, Bà H1 còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 19.501.157 đồng

- Lãi: 8.208.755 đồng

- Phí: 30.463.753 đồng

Tổng cộng: 58.173.665 đồng (3.). Ngân hàng yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm: Cấp sơ thẩm đã xác minh, thu thập, đánh giá đầy đủ các chứng cứ liên quan đến vụ án và ra phán quyết đúng quy định pháp luật. Về án phí cấp sơ thẩm xác định bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; Bị đơn Bà Mai Thị Ngọc H1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm lãi suất phạt trong hạn quá hạn của Ngân hàng, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H là giữ nguyên bản án số 244/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Mai Thị Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Ngọc H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 244/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc bà Mai Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tổng số tiền là 434.015.851 đồng, cụ thể:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 5925978.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 5925978.19 VIB ngày 11/7/2019, tính đến ngày 18/9/2023:

- Dư nợ gốc: 82.825.931 đồng

- Lãi trong hạn: 20.864 đồng

- Lãi quá hạn: 45.578.656 đồng

Tổng cộng: 128.425.451 đồng (1.)

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 4895234.19 và hợp đồng thế chấp lương số: 4895234.19 VIB ngày 03/10/2019, tính đến ngày 18/9/2023:

- Dư nợ gốc: 159.558.655 đồng

- Lãi trong hạn: 53.827 đồng

- Lãi quá hạn: 87.804.254 đồng

Tổng cộng: 247.416.735 đồng (2.)

+ Đối với thẻ tín dụng quốc tế là thẻ Master, tính đến ngày 18/9/2023:

- Dư nợ gốc: 19.501.157 đồng

- Lãi: 8.208.755 đồng

- Phí: 30.463.753 đồng

Tổng cộng: 58.173.665 đồng (3.)

Buộc bà Mai Thị Ngọc H1 trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 19/9/2023 trở đi bà Mai Thị Ngọc H1 còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh

toán xong khoản nợ. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Mai Thị Ngọc H1 phải chịu án phí là 21.360.634đ (Hai mươi một triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm ba mươi bốn đồng). H3 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.018.882 (chín triệu không trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0014692 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2023/ngày 0007711 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Nhà Bè.

5. Bản án được thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Huyện Nhà Bè, TPHCM;
- Chi cục THADS H.Nhà Bè, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Hương